UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ HOÀNG HOA THÁM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1982 /QĐ-UBND	*Hoàng Hoa Thám, ngày 12 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất ở đối với 102 suất đất tại Khu dân cư mới Linh Hạ, xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ cũ nay là xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HOÀNG HOA THÁM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024 được sửa đổi bổ sung theo Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Luật đấu giá tài sản ngày 17/11/2016 được sửa đổi theo Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 66.11/2026/NQ-CP ngày 06/01/2026 của Chính phủ quy định xử lý khó khăn, vướng mắc về đấu giá quyền sử dụng đất trong trường hợp giao đất ở theo quy định của luật đất đai;

Căn cứ các Nghị định: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/06/2024 của Chính phủ quy định về giá đất; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026, quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 1234/QĐ-UBND ngày 06/6/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc giao đất cho UBND xã Nhật Tân để thực hiện Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới Linh Hạ, xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ cũ nay là xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Nghị quyết số 812/2025/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 ban hành quy định về bảng giá đất lần đầu để công bố áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 13/2026/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phân cấp, ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 1769/QĐ-UBND ngày 13/5/2026 của UBND xã Hoàng Hoa Thám về việc ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân xã Hoàng Hoa Thám;

Căn cứ Quyết định phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở đối với 102 suất đất tại Khu dân cư mới Linh Hạ, xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ cũ nay là xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên.

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 394/TTr-KT ngày 04/6/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất 102 suất đất tại Khu dân cư mới Linh Hạ, xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ cũ nay là xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên, cụ thể như sau:

TT	Suất đất	Diện tích (m^2)	Đặc điểm, vị trí (thuộc Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới Linh Hạ, xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ cũ (1,99ha)	Phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá (đồng/m^2)
I.	**LKA (52 suất)**	**4.759,50**		
1	LKA - 01	97,82	Tiếp giáp hai (02) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	17.250.000
2	LKA - 02	87,07	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	15.000.000
3	LKA - 03	90,62	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	15.000.000
4	LKA - 04	94,17	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	15.000.000
5	LKA - 05	97,72	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	15.000.000
6	LKA - 06	101,27	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	15.000.000
7	LKA - 07	100,36	Tiếp giáp hai (02) mặt đường, một mặt có mặt cắt 16,0m, một mặt có mặt cắt rộng 15,5m;	17.250.000

8	LKA - 08	90,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 16,0 m	15.000.000
9	LKA - 09	90,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 16,0 m	15.000.000
10	LKA - 10	90,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 16,0 m	15.000.000
11	LKA - 11	90,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 16,0 m	15.000.000
12	LKA - 12	90,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 16,0 m	15.000.000
13	LKA - 13	90,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 16,0 m	15.000.000
14	LKA - 14	90,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 16,0 m	15.000.000
15	LKA - 15	90,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 16,0 m	15.000.000
16	LKA - 16	90,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 16,0 m	15.000.000
17	LKA - 17	90,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 16,0 m	15.000.000
18	LKA - 18	90,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 16,0 m	15.000.000
19	LKA - 19	90,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 16,0 m	15.000.000
20	LKA - 20	90,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 16,0 m	15.000.000

21	LKA - 21	90,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 16,0 m	15.000.000
22	LKA - 22	90,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 16,0 m	15.000.000
23	LKA - 23	90,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 16,0 m	15.000.000
24	LKA - 24	90,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 16,0 m	15.000.000
25	LKA - 25	90,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 16,0 m	15.000.000
26	LKA - 26	90,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 16,0 m	15.000.000
27	LKA - 27	110,88	Tiếp giáp hai (02) mặt đường, một mặt có mặt cắt 16,0m, một mặt có mặt cắt rộng 11,5 m.	17.250.000
28	LKA - 28	108,37	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 11,5 m	12.000.000
29	LKA - 29	101,52	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 11,5 m	12.000.000
30	LKA - 30	94,68	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 11,5 m	12.000.000
31	LKA - 31	87,83	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 11,5 m	12.000.000
32	LKA - 32	80,98	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 11,5 m	12.000.000

33	LKA - 33	86,21	Tiếp giáp hai (02) mặt đường, một mặt có mặt cắt 15,5 m, một mặt có mặt cắt rộng 11,5 m.	17.250.000
34	LKA - 34	90,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	15.000.000
35	LKA - 35	90,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	15.000.000
36	LKA - 36	90,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	15.000.000
37	LKA - 37	90,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	15.000.000
38	LKA - 38	90,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	15.000.000
39	LKA - 39	90,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	15.000.000
40	LKA - 40	90,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	15.000.000
41	LKA - 41	90,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	15.000.000
42	LKA - 42	90,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	15.000.000
43	LKA - 43	90,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	15.000.000
44	LKA - 44	90,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	15.000.000
45	LKA - 45	90,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	15.000.000

46	LKA - 46	90,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	15.000.000
47	LKA - 47	90,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	15.000.000
48	LKA - 48	90,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	15.000.000
49	LKA - 49	90,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	15.000.000
50	LKA - 50	90,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	15.000.000
51	LKA - 51	90,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	15.000.000
52	LKA - 52	90,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	15.000.000
II	**LKB (27 suất)**	**2.498,68**		
53	LKB -01	91,58	Tiếp giáp hai (02) mặt đường, một mặt có mặt cắt 15,5 m, một mặt có mặt cắt rộng 11,5 m.	17.250.000
54	LKB -02	85,46	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 11,5 m	12.000.000
55	LKB -03	92,30	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 11,5 m	12.000.000
56	LKB -04	99,15	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 11,5 m	12.000.000
57	LKB -05	106,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 11,5 m	12.000.000
58	LKB -06	112,84	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 11,5 m	12.000.000

59	LKB -07	115,35	Tiếp giáp hai (02) mặt đường, một mặt có mặt cắt 15,5 m, một mặt có mặt cắt rộng 11,5 m.	17.250.000
60	LKB -08	90,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	15.000.000
61	LKB -09	90,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	15.000.000
62	LKB -10	90,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	15.000.000
63	LKB -11	90,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	15.000.000
64	LKB -12	90,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	15.000.000
65	LKB -13	90,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	15.000.000
66	LKB -14	90,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	15.000.000
67	LKB -15	90,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	15.000.000
68	LKB -16	90,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	15.000.000
69	LKB -17	88,00	Tiếp giáp hai (02) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	17.250.000
70	LKB -18	88,00	Tiếp giáp hai (02) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	17.250.000
71	LKB -19	90,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	15.000.000
72	LKB -20	90,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	15.000.000
73	LKB -21	90,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	15.000.000
74	LKB -22	90,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	15.000.000
75	LKB -23	90,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	15.000.000
76	LKB -24	90,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	15.000.000

77	LKB -25	90,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	15.000.000
78	LKB -26	90,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	15.000.000
79	LKB -27	90,00	Tiếp giáp một (01) mặt đường có mặt cắt rộng 15,5 m	15.000.000
III	**LKC (23 suất)**	**3.193,91**		
80	LKC -01	89,67	Tiếp giáp hai (02) mặt đường, một mặt có mặt cắt là 15,5 m, một mặt có mặt cắt rộng 4,0 m	16.500.000
81	LKC -02	86,28	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 11,5m	12.000.000
82	LKC -03	93,13	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 11,5m	12.000.000
83	LKC -04	99,97	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 11,5m	12.000.000
84	LKC -05	106,82	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 11,5m	12.000.000
85	LKC -06	109,33	Tiếp giáp hai (02) mặt đường, một mặt có mặt cắt là 15,5 m, một mặt có mặt cắt rộng 11,5 m	17.250.000
86	LKC -07	153,03	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	15.000.000
87	LKC -08	152,85	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	15.000.000
88	LKC -09	152,67	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	15.000.000

89	LKC -10	152,49	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	15.000.000
90	LKC -11	152,31	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	15.000.000
91	LKC -12	152,13	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	15.000.000
92	LKC -13	151,96	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	15.000.000
93	LKC -14	151,78	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	15.000.000
94	LKC -15	151,60	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	15.000.000
95	LKC -16	151,42	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	15.000.000
96	LKC -17	151,24	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	15.000.000
97	LKC -18	151,06	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	15.000.000
98	LKC -19	150,88	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	15.000.000
99	LKC -20	150,70	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	15.000.000
100	LKC -21	150,52	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	15.000.000

101	LKC -22	150,34	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	15.000.000
102	LKC -23	181,73	Tiếp giáp 01 mặt đường có mặt cắt rộng 15,5m	15.000.000
TỔNG CỘNG		**10.452,09**		

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

- Giao phòng Kinh tế xã căn cứ giá khởi điểm được duyệt phối hợp với các cơ quan có liên quan, tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng theo đúng quy định của pháp luật;

- Thời điểm áp dụng giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất 102 suất đất tại Khu dân cư mới Linh Hạ, xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ cũ nay là xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên là thời điểm cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND - UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế xã; Trưởng Thuế cơ sở 5 tỉnh Hưng Yên; Giám đốc kho bạc Nhà nước khu vực IV tỉnh Hưng Yên; Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó CT UBND xã;
- Lưu: VT, KT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lã Anh Tuấn